TRƯỜNG TIỂU HỌC ..... *Thứ ..... ngày ..... tháng ..... năm 20.....*

Họ và tên: .....

Lớp: 2 .....

PHIẾU ÔN TẬP HỌC KÌ I
MÔN TOÁN – KHỐI 2
PHIẾU SỐ 23

Thời gian làm bài: 30 phút

PHẦN 1. TRẮC NGHIỆM *(Khoanh vào chữ cái đặt trước câu trả lời đúng)*

Câu 1. Từ ba chữ số 0, 9, 7 lập được bao nhiêu số có hai chữ số khác nhau?

A. 3 **B.** 9 **C.** 6 **D.** 4

Câu 2. Số thích hợp điền vào chỗ chấm trong dãy: 94, 91, 88, ……., 82, 79

A. 88 **B.** 85 **C.** 84 **D.** 86

Câu 3. Số thích hợp điền vào chỗ chấm: ……. − 36 = 24

A. 67 **B.** 70 **C.** 60 **D.** 50

Câu 4. Hai số hạng là 48 và 26. Tổng của chúng là:

A. 64 **B.** 74 **C.** 75 **D.** 84

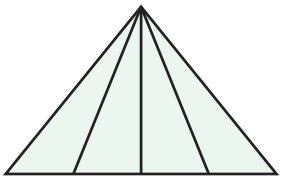
Câu 5. Đồng hồ bên chỉ mấy giờ?



A. 4 giờ 30 phút **B.** 3 giờ 15 phút

C. 3 giờ 30 phút **D.** 2 giờ 30 phút

Câu 6. Hình bên có bao nhiêu hình tam giác?



A. 10 **B.** 8 **C.** 11 **D.** 9

PHẦN 2. TỰ LUẬN *(Học sinh trình bày lời giải)*

Bài 1. Cho các số: 32, 29, 99, 30, 80.

a) Sắp xếp các số theo thứ tự từ lớn đến bé: …….

b) Hiệu của số lớn nhất và số bé nhất: …….

Bài 2. Tìm số thích hợp điền vào chỗ chấm:

a) 17 + ……. = 40

b) ……. − 39 = 29

c) ……. + 25 = 62

d) 91 − ……. = 58

Bài 3. Đúng ghi Đ, sai ghi S:

a) Trong phép trừ 72 − 17 = 55, số 72 là số bị trừ	
b) Một giờ có 60 phút	
c) 59 − 26 = 43	
d) Trong phép trừ 72 − 17 = 55, số 17 là hiệu	

Bài 4. Viết số thích hợp vào chỗ chấm:

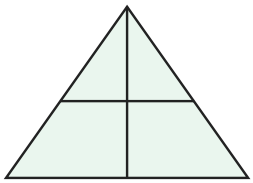
a) 5 dm = ……. cm

b) 20 cm = ……. dm

c) 6 dm 5 cm = ……. cm

d) 2 dm + 29 cm = ……. cm

Bài 5. Đếm hình:



a) Hình bên có ……. hình tam giác.

Bài 6. Thùng thứ nhất có 39 l nước mắm, thùng thứ hai có nhiều hơn thùng thứ nhất 10 l. Hỏi cả hai thùng có bao nhiêu lít nước mắm?

a) Thùng thứ hai có: ……. l

b) Cả hai thùng có: ……. l

HẾT

ĐÁP ÁN VÀ HƯỚNG DẪN CHẤM

Phiếu ôn tập học kì I Toán lớp 2 · Phiếu số 23

Phần 1. Trắc nghiệm

Câu	1	2	3	4	5	6
Đáp án	D	B	C	B	C	A

Phần 2. Tự luận

Bài 1.

a) 99, 80, 32, 30, 29

b) 99 − 29 = 70

Bài 2.

a) 40 − 17 = 23

b) 29 + 39 = 68

c) 62 − 25 = 37

d) 91 − 58 = 33

Bài 3.

a) Đ; b) Đ; c) S; d) S

Bài 4.

a) 50

b) 2

c) 60 + 5 = 65

d) 20 + 29 = 49

Bài 5.

Phần trên có 3 tam giác (2 nhỏ, 1 ghép), cả hình có thêm 3 tam giác lớn tương ứng: 6 hình.

Bài 6.

Thùng thứ hai: 39 + 10 = 49 (l)

Cả hai thùng: 39 + 49 = 88 (l)